

BỔ SUNG MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ PHƯỜNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH; ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI; LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ

DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nhu cầu kinh phí do Sở Nông nghiệp & Môi trường tổng hợp			Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp xã (Đến hết ngày 31/5/2026)	10% nguồn thu tiền sử dụng đất (Đến hết ngày 31/5/2026)	Kinh phí Sở Tài chính trình bổ sung	Ghi chú
		Tổng	Nguồn kinh phí ngân sách xã đảm bảo (từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất)	Kinh phí đề xuất ngân sách tỉnh hỗ trợ				
	Tổng	283.234	21.618	261.616	4.467.042	446.704	198.661	
1	Xã Đại Sơn	72	0	72	201	20	52	
2	Xã Sơn Đông	1.232	0	1.232	1.344	134	1.098	
3	Xã Tây Yên Tử	122	0	122	1.657	166	0	
4	Xã Dương Hưu	54	0	54	174	17	37	
5	Xã Yên Định	52	0	52	270	27	25	
6	Xã An Lạc	27	0	27	383	38	0	
7	Xã Vân Sơn	23	0	23	5	1	23	
8	Xã Tuấn Đạo	37	0	37	172	17	20	
9	Xã Biên Động	340	0	340	222	22	318	
10	Xã Lục Ngạn	358	0	358	4.085	409	0	
11	Xã Sơn Hải	65	0	65	180	18	47	
12	Xã Đèo Gia	149	0	149	975	98	52	
13	Xã Tân Sơn	59	0	59	370	37	22	
14	Xã Biên Sơn	115	0	115	590	59	56	
15	Xã Sa Lý	33	0	33	0	0	33	
16	Xã Nam Dương	123	0	123	6.783	678	0	
17	Xã Kiên Lao	153	0	153	1.474	147	6	
18	Phường Chủ	524	0	524	5.191	519	5	
19	Phường Phương Sơn	302	0	302	40.477	4.048	0	
20	Xã Lục Sơn	5.132	0	5.132	0	0	5.132	
21	Xã Trường Sơn	5.087	0	5.087	0	0	5.087	
22	Xã Cẩm Lý	5.662	0	5.662	0	0	5.662	
23	Xã Đông Phú	5.620	0	5.620	17.030	1.703	3.917	
24	Xã Nghĩa Phương	7.411	0	7.411	112	11	7.400	
25	Xã Lục Nam	8.892	0	8.892	11.145	1.115	7.778	
26	Xã Bắc Lũng	6.058	0	6.058	1.880	188	5.870	
27	Xã Bảo Đài	12.531	0	12.531	3.332	333	12.198	
28	Xã Lạng Giang	10.265	0	10.265	2.392	239	10.026	
29	Xã Mỹ Thái	12.654	0	12.654	1.794	179	12.475	
30	Xã Kép	8.285	0	8.285	1.114	111	8.174	
31	Xã Tân Đình	6.745	0	6.745	0	0	6.745	
32	Xã Tiên Lục	11.914	0	11.914	3.358	336	11.578	
33	Xã Yên Thế	6.637	0	6.637	0	0	6.637	
34	Xã Bó Hạ	8.207	0	8.207	0	0	8.207	
35	Xã Đồng Kỳ	8.336	0	8.336	0	0	8.336	
36	Xã Xuân Lương	5.322	0	5.322	0	0	5.322	
37	Xã Tam Tiến	5.150	2.382	2.768	0	0	2.768	
38	Xã Tân Yên	7.831	0	7.831	98.388	9.839	0	
39	Xã Ngọc Thiện	6.440	0	6.440	88.185	8.819	0	
40	Xã Nhà Nam	5.819	1.000	4.819	74.227	7.423	0	
41	Xã Phúc Hòa	8.421	0	8.421	308	31	8.390	
42	Xã Quang Trung	6.486	2.764	3.722	0	0	3.722	
43	Xã Hợp Thịnh	1.895	1.895	0	12.999	1.300	0	
44	Xã Hiệp Hòa	1.247	0	1.247	13.541	1.354	0	
45	Xã Hoàng Văn	1.979	0	1.979	1.413	141	1.838	
46	Xã Xuân Cầm	4.351	4.351	0	17.528	1.753	0	
47	Phường Tự Lan	4.243	0	4.243	104.553	10.455	0	
48	Phường Việt Yên	4.649	0	4.649	5.078	508	4.141	
49	Phường Nénh	528	0	528	450.510	45.051	0	
50	Phường Văn Hà	5.341	3.927	1.414	1.904	190	1.414	
51	Xã Đông Việt	1.240	0	1.240	1.391	139	1.101	
52	Phường Bắc Giang	11.693	0	11.693	141.231	14.123	0	
53	Phường Đa Mai	11.262	0	11.262	1.781	178	11.084	
54	Phường Tiên Phong	1.644	1.644	0	692.819	69.282	0	
55	Phường Tân An	3.967	0	3.967	1.365	137	3.831	
56	Phường Yên Dũng	4.074	0	4.074	13.067	1.307	2.767	
57	Phường Tân Tiến	3.630	0	3.630	1.267.298	126.730	0	
58	Phường Cảnh Thụy	1.196	1.196	0	6.001	600	0	
59	Phường Kinh Bắc	113	0	113	57.540	5.754	0	
60	Phường Võ Cường	262	0	262	26.534	2.653	0	
61	Phường Vũ Ninh	87	87	0	1.755	176	0	
62	Phường Hạp Lĩnh	42	0	42	926	93	0	
63	Phường Nam Sơn	239	0	239	8.265	827	0	
64	Phường Từ Sơn	1.368	0	1.368	0	0	1.368	
65	Phường Tam Sơn	1.080	0	1.080	25.208	2.521	0	
66	Phường Đồng Nguyên	1.344	0	1.344	30.756	3.076	0	
67	Phường Phù Khê	1.861	0	1.861	0	0	1.861	
68	Phường Thuận Thành	269	0	269	899.622	89.962	0	
69	Phường Mão Điền	94	0	94	31.981	3.198	0	
70	Phường Trạm Lộ	125	0	125	15.307	1.531	0	
71	Phường Trí Quả	310	0	310	0	0	310	
72	Phường Song Liễu	136	0	136	698	70	66	
73	Phường Ninh Xá	107	0	107	4.602	460	0	

		Nhu cầu kinh phí do Sở Nông nghiệp & Môi trường tổng hợp			Nguồn thu tiền sử	100% nguồn thu		
74	Phường Quế Võ	161	0	161	77.223	7.722	0	
75	Phường Phương Liễu	67	67	0	0	0	0	
76	Phường Nhân Hòa	48	48	0	0	0	0	
77	Phường Đào Viên	58	0	58	0	0	58	
78	Phường Bồng Lai	90	0	90	1.017	102	0	
79	Xã Chi Lăng	43	0	43	6.452	645	0	
80	Xã Phù Lãng	49	0	49	293	29	20	
81	Xã Yên Phong	565	0	565	27.054	2.705	0	
82	Xã Văn Môn	43	0	43	0	0	43	
83	Xã Tam Giang	64	0	64	302	30	34	
84	Xã Yên Trung	15	0	15	13	1	14	
85	Xã Tam Đa	125	0	125	8	1	124	
86	Xã Tiên Du	2.797	0	2.797	532	53	2.744	
87	Xã Liên Bảo	2.172	0	2.172	957	96	2.076	
88	Xã Tân Chi	3.195	0	3.195	0	0	3.195	
89	Xã Đại Đồng	2.841	0	2.841	4.085	409	2.433	
90	Xã Phạt Tích	2.188	0	2.188	664	66	2.122	
91	Xã Gia Bình	1.217	0	1.217	38.189	3.819	0	
92	Xã Nhân Thắng	1.905	0	1.905	22.938	2.294	0	
93	Xã Đại Lai	1.898	0	1.898	4.345	435	1.464	
94	Xã Cao Đức	3.490	0	3.490	688	69	3.421	
95	Xã Đông Cứu	1.958	0	1.958	5.253	525	1.433	
96	Xã Lương Tài	718	718	0	8.891	889	0	
97	Xã Lâm Thao	1.334	0	1.334	18.734	1.873	0	
98	Xã Trung Chính	3.466	1.539	1.927	27.053	2.705	761	
99	Xã Trung Kênh	3.606	0	3.606	18.860	1.886	1.720	